TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 5 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà Nguyễn Hồng Trang;
+ Ông Trần Văn Tảo.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 601/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2019 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2019, về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn N G, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp S, xã V, huyện B, tỉnh N, "vắng mặt".

- *Bị đơn*: Anh Phạm T Đ, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp S, xã V, huyện B, tỉnh N, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn N G trình bày:

Chị G và anh Phạm T Đ chung sống vợ chồng từ năm 2007 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Vong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vào năm 2009. Hôn nhân tự nguyện. Chị G và anh Đ chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ,

chị G và anh Đ đã sống riêng, không còn chung sống vợ chồng, không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau nên chị G yêu cầu được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị Nguyễn N G xác định không có con chung với anh Phạm T Đ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn N G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm T Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ cố tình né tránh, không đến Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành thủ tục hòa giải được. Do đó, Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo quy định để giải quyết vụ án.

Kết quả thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử:

Chính quyền địa phương nơi anh Phạm T Đ cư trú xác định: Anh Phạm T Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp S, xã V, huyện B, tỉnh T N. Hiện nay, anh Đ vẫn còn sinh sống tại đây nhưng không thường xuyên có mặt tại nhà.

Xác minh tình trạng hôn nhân: Những người hàng xóm gần nơi chị G và anh Đ sinh sống xác nhận anh chị có mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ nhưng không biết rõ nguyên nhân; hiện nay không thấy chị G và anh Đ sống chung.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn N G có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm T Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn N G; về con chung: Không có; về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Chị Nguyễn N G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Phạm T Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị G, anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn N G và anh Phạm T Đ chung sống vợ chồng từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trà Vong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh Đ đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị G và anh Đ không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, không thực hiện nghĩa vụ sống chung với nhau là vi phạm Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, mục đích của hôn nhân không Đ được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, chị Nguyễn N G được quyền ly hôn anh Phạm T Đ.

[3] Về con chung: Không có, Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn N G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn N G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn N G, chị Nguyễn N G được ly hôn với anh Phạm T Đ.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn N G không yêu cầu giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn N G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005915 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn N G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Phòng KTr-NV-THA,Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Các đương sự;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.T.

Nguyễn Thanh Tuấn